

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 16 – 5 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kim Quyên.

2. Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, tòa nhà S, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối ngân hàng bán lẻ.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

Bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại cho: Ông Lưu Đức T – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Theo Giấy ủy quyền số 009323.22 ngày 15/02/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lưu Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lưu Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày:

1. Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh G – Phòng giao dịch P có ký với chị Lưu Thị Cẩm Nh hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 1.700.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA LAND CRUISER biển số 51F-855.75 để phục vụ nhu cầu đi lại cho chị ruột của khác hàng; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 21/12/2017 đến ngày 20/12/2022; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,19%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là: 8,3%. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 03, mỗi tháng trả 28.330.000 đồng, tháng cuối cùng trả 28.530.000 đồng. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 03, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 03/01/2018; Trả phí: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

2. Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Gò Vấp – Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng có ký với chị Lưu Thị Cẩm Nh hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 257.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI i10, biển số 51G-369.65 theo hợp đồng mua bán ngày 18/12/2018 cho khách hàng bà Lưu Thị Cẩm Nh để tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 08/03/2018 đến ngày 08/3/2024; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,69%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 4,39%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu

tiền kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,39%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 08, mỗi tháng trả 3.570.000 đồng, số tiền còn lại trả vào tháng cuối cùng; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 08, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 08/4/2018; Trả phí: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

3. Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Gò Vấp – Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng có ký với chị Lưu Thị Cẩm Nh hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 268.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Sửa chữa nhỏ (không làm thay đổi kết cấu) căn nhà số 618/38 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho chị ruột của khách hàng là bà Lưu Thị Cẩm Đào; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 08/03/2018 đến ngày 08/3/2024; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,69%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,29%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 08, mỗi tháng trả 3.723.000 đồng, số tiền còn lại trả vào tháng cuối cùng; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 08, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 08/4/2018; Trả phí: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho chị Lưu Thị Cẩm Nh theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0190/KUNN1-VIB618/17 ngày 20/12/2018 với số tiền 1.700.000.000 đồng, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 050.KUNN-VIB618.18 ngày 08/3/2018 với số tiền 257.000.000 đồng, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 052.KUNN-VIB618.18 ngày 03/8/2018 với số tiền 268.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 03/8/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh có đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Lưu Thị Cẩm Nh với hạn mức tín dụng: 70.000.000 đồng, loại thẻ: Gold, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị Lưu Thị Cẩm Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 13/7/2021, chị Lưu Thị Cẩm Nh đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 2.013.607.705 đồng, trong đó gồm có:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017, chị Lưu Thị Cẩm Nh đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 1.711.048.141 đồng (trong đó nợ gốc là 1.419.430.000 đồng, lãi là 291.618.141 đồng).

- Theo hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 144.234.402 đồng (trong đó nợ gốc là 92.820.000 đồng, lãi là 51.414.402 đồng).

- Theo hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 158.325.162 đồng (trong đó nợ gốc là 100.577.000 đồng, lãi là 57.748.162 đồng).

Tạm tính đến ngày 13/7/2021, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ ngân hàng TMCP Q số tiền là 840.391.057 đồng, trong đó gồm có:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 331.529.436 đồng. (Trong đó nợ gốc là 280.570.000 đồng, nợ lãi là 17.230.296 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.729.140 đồng).

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 191.235.485 đồng. (Trong đó nợ gốc là 164.180.000 đồng, nợ lãi là 6.610.796 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.444.789 đồng).

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 192.554.456 đồng (trong đó nợ gốc là 167.423.000 đồng, nợ lãi là 5.877.480 đồng, lãi là 19.253.976 đồng).

- Dư nợ theo Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/8/2018 số tiền là 125.071.580 đồng.

Nay ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lưu Thị Cẩm Nh trả cho ngân hàng số tiền còn nợ.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nh tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 13/7/2021 cho đến khi chị Nh thanh toán xong toàn bộ khoảng nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng và Khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tính đến ngày 16/5/2022, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền là 1.027.235.619 đồng, trong đó gồm có:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 383.691.338 đồng. (Trong đó nợ gốc là 280.570.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.228.340 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.892.998 đồng).

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 223.569.034 đồng. (Trong đó nợ gốc là 164.180.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.662.137 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.726.897 đồng).

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 225.709.591 đồng (trong đó nợ gốc là 167.423.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.949.883 đồng, lãi quá hạn là 51.336.708 đồng).

- Dư nợ theo Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/8/2018 số tiền là 194.265.656 đồng (trong đó nợ gốc là 57.034.195 đồng, lãi trong hạn là 59.742.200 đồng, lãi quá hạn là 77.489.261 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nh từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Nh không đến tòa án và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nên không ghi nhận được lời trình bày của chị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn Lưu Thị Cẩm Nh trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn chị Lưu Thị Cẩm Nh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa Ngân hàng và chị Lưu Thị Cẩm Nh có ký kết **các** hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, Hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018 và Hợp đồng/Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/8/2018.

Căn cứ các khế ước nhận nợ thì Ngân hàng đã giải ngân cho chị Nh với tổng số tiền vốn là 2.225.000.000 đồng. Sau khi nhận nợ thì chị Nh có thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ngân hàng đến ngày 23/10/2020 đến nay chị Nh không thanh toán nợ cho ngân hàng nên khoản vay này đã quá hạn. Căn cứ Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/8/2018 được ký kết bằng văn bản có nội dung ngân hàng cấp tín dụng cho chị Lưu Thị Cẩm Nh với hạn mức của thẻ tín dụng là 70.000.000 đồng. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì chị Nh còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng vốn và lãi là 1.027.235.619 đồng. Do chị Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, xét thấy:

[4.1]. Hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017 thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,19%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là: 8,3%. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[4.2]. Hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018 thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,69%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 4,39%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,39%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[4.3]. Hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018 thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,69%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi

(so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,29%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[4.4]. Hợp đồng/Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/8/2018, phí và tiền lãi theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ. Theo quy định tại mục 10.0 của Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/8/2018.

Chị Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu chị Nh phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và Hợp đồng/Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Chị Nh đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc chị Nh chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nh trả số tiền còn nợ gồm vốn và lãi tổng cộng 1.027.235.619 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ đó, có cơ sở buộc chị Lưu Thị Cẩm Nh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Q số tiền vay còn nợ tổng cộng 1.027.235.619 đồng; trong đó vốn gốc 669.207.195 đồng, lãi trong hạn 92.582.560 đồng, lãi quá hạn 265.445.864 đồng.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Lưu Thị Cẩm Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ được tính cụ thể như sau: $36.000.000đ + (227.235.619 \times 3\%) = 42.817.069$ đồng. Ngân hàng Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với chị Lưu Thị Cẩm Nh.

2. Buộc chị Lưu Thị Cẩm Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử tổng cộng 1.027.235.619đ (một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười chín đồng); trong đó vốn gốc 669.207.195đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu hai trăm lẻ bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng), lãi trong hạn 92.582.560đ (chín mươi hai triệu năm trăm tám mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng), lãi quá hạn 265.445.864đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng) cụ thể như sau:

2.1. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0190/HĐTD1-VIB618/17 ngày 18/12/2017, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 383.691.338đ (ba trăm tám mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một ngàn ba trăm ba mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 280.570.000đ (hai trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 17.228.340đ (mười bảy triệu hai trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 85.892.998đ (tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi hai ngàn chín trăm chín mươi tám đồng).

2.2. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 223.569.034đ (hai trăm hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn không trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 164.180.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm tám mươi ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 8.662.137đ (tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn một trăm ba mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 50.726.897đ (năm mươi triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi bảy đồng).

2.3. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 052.HĐTD-VIB618.18 ngày 07/3/2018, chị Lưu Thị Cẩm Nh còn nợ số tiền là 225.709.591đ (hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm lẻ chín ngàn năm trăm chín mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là 167.423.000đ (một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.949.883đ (sáu triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm tám mươi ba đồng), lãi quá hạn là 51.336.708đ (năm mươi một triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm lẻ tám đồng).

2.4. Dư nợ theo Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/8/2018 số tiền là 194.265.656đ (một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 57.034.195đ (năm mươi bảy triệu không trăm ba mươi bốn ngàn một trăm chín mươi lăm đồng), lãi trong hạn là 59.742.200đ (năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm đồng), lãi

quá hạn là 77.489.261đ (bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi một đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị Cẩm Nh phải chịu là 42.817.069 đ (bốn mươi hai triệu tám trăm mười bảy ngàn không trăm sáu mươi chín đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại 21.010.000đ (hai mươi một triệu không trăm mười ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0006040 lập ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2022). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Thới Phần